

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2026/TLST - HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Chị Lý Minh N, sinh năm 1997; CCCD số 012197004429.

Địa chỉ: Bản T, xã P, tỉnh Lai Châu

- Anh Châu A G, sinh năm 1992; CCCD số 012092003410.

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường T, tỉnh Lai Châu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Lý Minh N và anh Châu A G trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Châu A G và chị Lý Minh N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 13/9/2016 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Nay là UBND phường T, tỉnh Lai Châu).

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2021 đến nay phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh G, chị N đã sống ly thân từ năm 2021. Đến nay chị N và anh G đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

[2] Chị Lý Minh N và anh Châu A G đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, không yêu cầu chia tài sản chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lý Minh N và anh Châu A G.

- Về việc nuôi con: Anh Châu A G và chị Lý Minh N có 02 con chung tên là Châu Thị Bảo L sinh ngày 23/01/2016 và Châu Thị Lan A, sinh ngày 08/11/2017. Anh G, chị N thỏa thuận, thống nhất: Khi ly hôn, anh Châu A G sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lý Minh N và anh Châu A G thỏa thuận, chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 1.000.000 đồng/tháng/con. Tổng cấp dưỡng cho cả hai con chung là 2.000.000 đồng/tháng; Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 20 hàng tháng; Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 20/3/2026 cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, anh G có đơn yêu cầu thi hành án, chị N chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Chị Lý Minh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Châu A G và chị Lý Minh N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lý Minh N và anh Châu A G thỏa thuận chị N là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận chị Lý Minh N đã nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000072 ngày 25/02/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Nga